TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

- Bản án số: 47/2021/HNGĐ - ST
- Ngày: 23 - 12 - 2021
- V/v: " *Tranh chấp ly hôn* ".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Danh Pì Sách**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Vũ Văn Hợp;**

2. Ông **Nguyễn Duy Khương**

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà **Lữ Cẩm Nhung** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang *tham gia phiên toà:* Bà **Phạm Thị Thúy Kiều -** Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành,tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 247/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2021 về việc *"Tranh chấp ly hôn "* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2021/QĐXX-ST, ngày 30 tháng 6 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2021; Thông báo mở lại phiên tòa số 15a/TB-TTPT ngày 10 tháng 11 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2021/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2021/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Danh Lâm Huyền Tr**, sinh năm 1995

Địa chỉ: ấp Tân Hưng, xã Giục T, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

(Chị Tr có mặt tại phiên tòa).

Bị đơn: Anh **Phùng Văn T**, sinh năm 1989

Địa chỉ: ấp Tân Hưng, xã Giục T, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

(Anh T vắng mặt tại phiên tòa lần 2 không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 15-3-2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Danh Lâm Huyền Tr trình bày: Vào năm 2015, chị và anh Phùng Văn T cùng nhau đi đến hôn nhân, trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã Giục T, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 22/6/2015.

Cuộc sống chung thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến khoảng năm 2020 thì vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn với nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không hợp nhau về tính tình và cách sống nên thường xảy ra cự cải dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, chị và anh T đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay.

Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng chị có 03 con chung tên Phùng Gia Tườn, sinh ngày 24/10/2015; Phùng Gia Khánh, sinh ngày 09/9/2017 và Danh Ngọc An Nhiên, sinh ngày 09/9/2020, hiện nay đang sinh sống cùng chị.

Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng chị không có tạo lập được tài sản gì chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết còn về phần nợ thì vợ chồng cũng không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Danh Lâm Huyền Tr yêu cầu:

- Về hôn nhân: Xin ly hôn với anh Phùng Văn T

- Về con chung: Yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng 03 con chung tên Phùng Gia Tường, sinh ngày 24/10/2015; Phùng Gia Khánh, sinh ngày 09/9/2017 và Danh Ngọc An Nhiên, sinh ngày 09/9/2020 và không yêu cầu anh Tưởng cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Phùng Văn T đã được Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao

nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh T đều không có mặt.

Tại phiên tòa chị Tr vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh T. Anh T vắng mặt không lý do.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Đối với nguyên đơn là chị T: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và 234 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn là anh T: Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng đều không có mặt; tại phiên tòa, anh T tiếp tục vắng mặt không có lý do chính đáng. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo hướng chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của chị Tr.

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Danh Lâm Huyền Tr khởi kiện tranh chấp xin ly hôn với bị đơn anh Phùng Văn T có hộ khẩu thường trú ấp Tân Hưng, xã Giục T, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã triệu tập hợp lệ anh T đến phiên tòa lần thứ hai nhưng anh T vẫn tiếp tục vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh Tưởng là phù hợp theo quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Chị Trang và anh Tưởng kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Có đăng ký kết hôn năm 2015 tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn, theo chị Trang

nguyên nhân là do tính cách và quan điểm sống giữa hai vợ chồng không phù hợp.Thực tế chị Tr và anh T đã sống trong tình trạng ly thân trong thời gian dài, không ai quan tâm đến ai. Quá trình giải quyết vụ án, anh T không có mặt theo thông báo để Tòa án tiến hành hòa giải, thể hiện anh không có thiện chí để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng và tại phiên tòa hôm nay mặc dù anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng anh T vẫn vắng mặt không lý do. Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Tr và anh T đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T để ổn định cuộc sống. Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T, xử cho chị T được ly hôn anh T là hoàn toàn phù hợp theo quy định pháp luật.

[3] Về quan hệ con chung: Chị T xác nhận trong thời gian chung sống anh chị có 03 con chung tên Phùng Gia Tường, sinh ngày 24/10/2015; Phùng Gia Khánh, sinh ngày 09/9/2017 và Danh Ngọc An Nhiên, sinh ngày 09/9/2020, từ khi vợ chồng sống ly thân với nhau cho đến nay con sống chung với chị T. Tại phiên tòa hôm nay chị T yêu cầu được tiếp tục chăm sóc , nuôi dưỡng các con chung. HĐXX nhận định từ khi chị T và anh T sống ly thân với nhau từ năm 2020 cho đến nay các con đều do chị Trang chăm sóc nuôi dưỡng, do đó căn cứ vào điều kiện hoàn cảnh thực tế của đương sự, cần tiếp tục giao các con cho chị Trang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình và cũng phù hợp theo nguyện vọng của con, nên HĐXX chấp nhận.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, HĐXX đã giải thích cho chị T về quyền yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi các con cho đến khi đủ 18 tuổi theo quy định của pháp luật nhưng chị T xác định không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con và việc chị T không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện nên HĐXX không xem xét.

Người trực tiếp nuôi con phải tạo điều kiện để người không trực tiếp nuôi con thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Trường hợp cần thiết, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặc của con, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi quyền nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập anh T đúng theo quy định pháp luật nhưng anh T vẫn vắng mặt không lý do nên

Toà án không tiến hành hoà giải, đối chất về tài sản chung giữa chị T và anh T được. Hơn nữa tại phiên toà chị Trang xác nhận vợ chồng chị không tạo lập được tài sản gì chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, về phần tài sản chung HĐXX không xem xét nếu sau này các đương sự có yêu cầu thì đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[6] Về nợ chung: Chị T cam kết không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[7] Xét lời trình bày của đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Trang phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản1 Điều 35, điểm a khoản1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Danh Lâm Huyền Trang và anh Phùng Văn Tưởng.

2. Về con chung: Giao 03 con chung tên Phùng Gia Tường, sinh ngày 24/10/2015; Phùng Gia Khánh, sinh ngày 09/9/2017 và Danh Ngọc An Nhiên, sinh ngày 09/9/2020 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng (Phù hợp theo nguyên vọng của con). Chị T không yêu cầu anh Tưởng cấp dưỡng nuôi các con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Phùng Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm các con không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Danh Lâm Huyền T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Danh Lâm Huyền Tr xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị Danh Lâm Huyền T phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng chị Danh Lâm Huyền Trang được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0001596 ngày 19 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang; chị Trang không phải nộp thêm.

" Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014".

6. Chị Danh Lâm Huyền T có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phùng Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Giục Tượng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Danh Pì Sách